

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2024/HS-PT

Ngày: 21 - 5 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh;

Ông Cao Thiện Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 - 5 – 2024, tại Phòng xét xử số 2, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 2 năm 2024 đối với bị cáo Trần Hữu C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2024/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. TRẦN HỮU C, sinh năm: 1980, tại tỉnh Ninh Thuận. Giới tính: Nam;
Nơi cư trú: Khu phố H, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận;
Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: ông Trần Hữu T (chết) và bà Lê Thị D;
Vợ là: Nguyễn Thị M và 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân:
Tại quyết định số 182/QĐ-XPHC ngày 25/12/2019, bị Công an phường Đ xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư”.
Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.
Có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ THỊ H, sinh năm: 1973 tại Ninh Thuận. Giới tính: Nữ
Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê N (Đã chết) và bà Huỳnh Thị D1 (Đã chết); C1 là: Lê Văn L và 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không. Tạm giữ, T1 giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H:* Luật sư Trần Đăng K, thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ: Số A, đường B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Thị M) không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn kiếm thêm thu nhập nên Lê Thị H và Trần Hữu C thỏa thuận: H sẽ nhận ghi số đề cho những người có nhu cầu rồi tổng hợp lại chụp gửi phôi đề qua tài khoản zalo tên “Trần Hữu C” hoặc “Khangán” cho C. Sau khi nhận các hình ảnh phôi đề, C tiếp tục chuyển cho người có tên zalo là “KiKa” (không rõ nhân thân lai lịch) để hưởng tiền hoa hồng. Cứ 1.000.000 đồng tiền khách ghi đề thì H và C được 100.000 đồng tiền hoa hồng, trong đó H được 60.000 đồng, còn C được 40.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ hoặc 09 giờ ngày hôm sau, H và C gặp nhau để giao, nhận tiền thắng thua.

Quá trình điều tra xác định, Trần Hữu C và Lê Thị H đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề vào ngày 08/5/2023 và từ ngày 18/5/2023 đến ngày 13/6/2023. Số tiền đánh bạc của từng khu vực ở các ngày cụ thể như sau:

1/ Ngày 08/5/2023: Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 1.314.000 đồng (một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

2/ Ngày 18/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 860.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.039.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.740.000 đồng.

3/ Ngày 19/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 432.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.616.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 5.565.000 đồng.

4/ Ngày 20/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 12.456.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.226.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.687.000 đồng.

5/ Ngày 21/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.054.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 1.688.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.667.000 đồng.

6/ Ngày 22/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 720.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.146.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 12.013.000 đồng.

7/ Ngày 23/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 864.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 7.682.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 8.039.000 đồng.

8/ Ngày 24/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 938.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.702.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 7.910.000 đồng.

9/ Ngày 25/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.660.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.362.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 10.262.000 đồng.

10/ Ngày 26/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.420.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 10.548.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 13.703.000 đồng.

11/ Ngày 27/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.130.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 7.918.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 13.050.000 đồng.

12/ Ngày 28/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.388.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 9.525.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 11.517.000 đồng.

13/ Ngày 29/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 720.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.878.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 12.827.000 đồng.

14/ Ngày 30/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 384.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.190.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 8.244.000 đồng.

15/ Ngày 31/5/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.944.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 7.166.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 8.912.000 đồng.

16/ Ngày 01/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.292.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.753.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 23.850.000 đồng.

17/ Ngày 02/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.604.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.154.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 8.799.000 đồng.

18/ Ngày 03/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.524.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 10.861.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 13.789.000 đồng.

19/ Ngày 04/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.784.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 11.630.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 10.288.000 đồng.

20/ Ngày 05/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.756.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 9.058.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 7.723.000 đồng.

21/ Ngày 06/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 5.408.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.768.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 11.886.000 đồng.

22/ Ngày 07/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.068.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.096.000 đồng.

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 10.878.000 đồng.

23/ Ngày 08/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.284.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.946.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 10.511.000 đồng.

24/ Ngày 09/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.448.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.114.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 6.047.000 đồng.

25/ Ngày 10/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 3.604.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 4.360.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 5.402.000 đồng.

26/ Ngày 11/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 684.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 5.076.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 5.684.000 đồng.

27/ Ngày 12/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 2.152.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 9.120.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 28.275.000 đồng.

28/ Ngày 13/6/2023:

- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 1.380.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 9.198.000 đồng.
- Số tiền đánh bạc ở khu vực M là 8.110.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc ở các lần nói trên của Trần Hữu C và Lê Thị H là: 523.410.000 đồng. Trong đó, số tiền đánh bạc ở các lần đủ truy cứu trách nhiệm hình sự của C và H là: 423.803.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 7.832.240 đồng, của H là 11.748.360 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2024/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trần Hữu C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu C 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Lê Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

** Phần kháng cáo:*

- Ngày 04/01/2024, bị cáo Lê Thị H có kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Nộp bổ sung đơn xin xác nhận hoàn cảnh, biên lai thu tiền (nộp án phí HSST).

- Ngày 15/01/2024, bị cáo Trần Hữu C có kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Nộp bổ sung đơn xin xác nhận hoàn cảnh, các giấy tờ xác nhận đang điều trị bệnh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo giống nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo H bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Hữu C, Lê Thị H là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật.

Cả hai bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo cảnh có nhân thân xấu, bị xử phạt hành chính. Bị cáo H có nhân thân tốt, lao động chính, hoàn cảnh khó khăn, bán vé số, nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị bệnh. Bị cáo H1 ghi số đề từ gợi ý và giao lại cho C.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 BLTTHS, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu C, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị H; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P - T đối với bị cáo Lê Thị H; Giảm bị cáo H 12 tháng tù, còn 18 tháng.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H trình bày ý kiến:*

Về tội danh là đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét đủ các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có nhân thân tốt, nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có nhiều bệnh, trình độ văn hóa thấp, bán vé số. Trong vụ án, không xác định được người đánh bạc, người tổ chức đánh bạc, bị cáo bị áp dụng hình phạt nặng hơn.

Tại Điều 2, 3 Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về án treo, các lần phạm tội là ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ăn năn hối cải, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị cáo Trần Hữu C, Lê Thị H kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi của mình giống nội dung của bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/5/2023 đến ngày 13/6/2023, Trần Hữu C và Lê Thị H đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô đề, tổng cộng 44 lần, tổng số tiền đánh bạc là 423.803.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 7.832.240 đồng, của H là 11.748.360 đồng.

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Hữu C, Lê Thị H về tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung là “Tiền dùng để đánh bạc trị giá 50 triệu đồng trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo thể hiện sự càn quấy, bất chấp pháp luật, trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa nên cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Hành vi của các bị cáo là “Phạm tội 02 lần trở lên”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo đánh bạc với số tiền lớn, trong một thời gian dài, trong đó bị cáo Trần Hữu C là người cầm đầu, trực tiếp thỏa thuận với bị cáo Lê Thị H ghi đề rồi chuyển cho bị cáo để bị cáo chuyển cho người khác (không rõ lai lịch), nhằm hưởng hoa hồng. Bản thân bị cáo C có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý vi phạm hành chính nhưng không có ý thức tự cải tạo, tu dưỡng mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

Các bị cáo không đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”, tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022;

Tuy nhiên, đối với bị cáo Lê Thị H là người trực tiếp ghi đề rồi chuyển cho bị cáo C để hưởng hoa hồng, vai trò có phần hạn chế hơn so với bị cáo C. Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp các tài liệu xác định: là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Làm nghề bán vé số, hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, được chính quyền địa phương xác nhận; Bản thân có nhiều bệnh tật; Có anh ruột đã tham gia chiến đấu ở chiến trường Campuchia (người có công với đất nước). Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H.

Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thị H của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Hữu C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Lê Thị H được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị H; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu C;

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2024/HS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thị H.

Tuyên bố: các bị cáo Trần Hữu C, Lê Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về án phí: bị cáo Trần Hữu C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21 - 5 - 2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp.PR-TC;
- TAND Tp.PR-TC (02 bản);
- Công an Tp.PR-TC;
- Chi cục THADS Tp.PR-TC;
- PV 27;
- Sở Tư pháp (kèm án sơ thẩm);
- Bị cáo;
- Phòng KTNV-THA; HCTP;
- Lưu: án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Bách